

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 29-6-2018

V/v Tranh chấp thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Tư

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2018/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2018 về “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 31/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135/2018/QĐPT-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Nguyệt M, sinh năm 1984, cư trú tại: Ấp A, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là: Bà Nguyễn Thị B, Luật gia thuộc Hội luật gia tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Huỳnh T, sinh năm 1982, cư trú tại: Ấp A, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là: Ông Đặng Ngọc P, Luật sư của Văn phòng luật sư Đặng P, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Huỳnh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Nguyệt M trình bày:

Bà và ông T đã ly hôn vào năm 2016. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số: 18/2016/QĐ -VDS ngày 07/03/2016 của Toà án nhân dân huyện G về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa Nguyễn Văn Huỳnh T và Đoàn Thị Nguyệt M, về phần con chung giao cho ông Nguyễn Văn Huỳnh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương T1, sinh ngày 10/09/2010. Hiện cháu Phương T1 cùng ông Nguyễn Văn Huỳnh T ở chung nhà với mẹ ruột của ông T và cháu Phương T1 đang học lớp 2 trường tiểu học N, thành phố Bến Tre. Nhà trường đã nhiều lần thông báo tình hình học tập của cháu Phương T1 bị sa sút, một số môn học chưa đạt yêu cầu. Trong khi đó, ông T thường xuyên đi làm thuê không có thời gian trực tiếp nuôi dạy con, phải nhờ mẹ ruột lo cho cháu T1. Tuy nhiên, hiện bà nội cháu T1 cũng đã lớn tuổi, việc chăm sóc giáo dục cháu T1 đang gặp nhiều khó khăn.

Hiện tại, bà M đang có công việc làm ổn định với mức lương hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng. Bà khẳng định đủ điều kiện để chăm sóc, dạy dỗ cho con được tốt hơn. Bên cạnh đó, do nhiều lần bà M đến thăm cháu Phương T1 thì mẹ của ông T ngăn cản. Do đó, bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Bà M yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Huỳnh T giao cháu Nguyễn Ngọc Phương T1, sinh ngày 10/09/2010 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông Nguyễn Văn Huỳnh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Huỳnh T trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Nguyệt M. Ông T cho rằng bà M không quan tâm, chăm sóc con chung. Hiện ông đang đi làm thuê, tiền lương không ổn định nhưng ông khẳng định vẫn đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phương T1. Ông T yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 31/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Nguyệt M.

Buộc ông Nguyễn Văn Huỳnh T có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Ngọc Phương T1, sinh ngày 10/9/2010 cho bà Đoàn Thị Nguyệt M nuôi dưỡng. Ghi nhận bà M không yêu cầu ông Nguyễn Văn Huỳnh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn Huỳnh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/4/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn Huỳnh T kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 31/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông T và bà M đã thuận tình ly hôn năm 2016, theo đó ông T là người trực tiếp nuôi con chung (cháu T1), bà M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 01 triệu đồng. Năm 2016, điều kiện cuộc sống, công việc của ông T vẫn như hiện nay nhưng bà M vẫn đồng ý giao con cho ông T nuôi dưỡng và trong 02 năm bà M chưa từng cấp dưỡng nuôi con chung. Bà M hiện nay đang làm việc tại công ty may mặc làm việc 08 giờ có tăng ca nên sẽ không có thời gian chăm sóc con chung. Cháu T1 đang đi học và sinh sống ổn định cùng ông T. Bà M cho rằng nếu được nuôi con bà và cháu sẽ về quê ngoại ở Long An sinh sống như vậy sẽ làm xáo trộn cuộc sống của cháu T1 và khi về sống tại Long An thì bà M đã thất nghiệp. Về kết quả học tập học kì 1 của cháu T1 có không tốt nhưng đã được cải thiện ở học kì 2, gia đình ông T đã quan tâm, dạy dỗ giúp cháu T1 học tiến bộ hơn. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả học tập học kỳ 1 của cháu T1 để làm căn cứ thay đổi người trực tiếp nuôi con là chưa khách quan, toàn diện. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn còn cung cấp cho Tòa án giấy khám sức khỏe của cháu T1 thể hiện cháu sức khỏe bình thường. Bà M cho rằng việc thăm nom, chăm sóc con chung bị cản trở nhưng không có chứng cứ chứng M. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Vì áp lực nếu ly hôn với ông T thì bà phải để con chung cho ông T nuôi dưỡng nhưng do bà biết sau khi ly hôn thì bà vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc bà M không cấp dưỡng nuôi con chung là do cơ quan thi hành án không có yêu cầu, bà M không cấp dưỡng bằng tiền mặt nhưng hàng tuần bà đều rước cháu T1 về chơi thì việc mua sắm vật dụng, đồ đạc cho cháu T1 vẫn đầy đủ. Việc học tập của cháu T1 có sa sút nên cháu cần được tăng cường hướng dẫn, dạy dỗ. Thay đổi môi trường sống không phải lúc nào cũng không tốt, thay đổi môi trường sống thuận lợi hơn, tốt hơn thì cần thiết cho cháu T1 và vì cháu là con gái nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt M khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn căn cứ vào việc học tập của cháu T1 sa sút, cháu T1 có kết quả học tập học kì I môn Toán chưa hoàn thành môn học. Tại giấy khám sức khỏe ngày 03/4/2018, cơ quan y tế chuyên môn đã xác định vấn đề sức khỏe cần lưu ý đối với cháu Phương T1 là điều trị viêm da, vệ sinh thân thể, tăng cường chăm sóc dinh dưỡng. Đồng thời, bà M làm việc tại Công ty may VH được công ty xác nhận mức lương hơn 5.000.000 đồng/tháng trong khi hiện tại ông T không có công việc ổn định, thường xuyên đi làm, việc chăm sóc cháu T1 do mẹ ông T phục trách nhưng bà đã lớn tuổi và do cháu T1 là con gái nên cần được sự chăm sóc của người mẹ.

[2] Bà M trình bày rằng bản thân thu nhập ổn định do làm việc tại công ty may lương hơn 5.000.000 đồng/tháng trong khi ông T không có việc làm ổn định, gia đình là hộ cận nghèo không đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống cho cháu T1, nhưng xét thấy bà M và ông T đã ly hôn theo Quyết định giải quyết việc dân sự số: 18/2016/QĐ -VDS ngày 07/03/2016 của Tòa án nhân dân huyện G. Tại phần con chung của Quyết định nêu trên ghi nhận bà Nguyễn Thị Nguyệt M

đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương T1, sinh ngày 10/09/2010 cho ông Nguyễn Văn Huỳnh T nuôi dưỡng. Bà Đoàn Thị Nguyệt M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà M thừa nhận biết gia đình ông T là hộ cận nghèo nhiều năm và từ khi bà và ông T ly hôn đến nay bà không có cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy đã vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con.

[3] Về học tập, bà M căn cứ vào Phiếu đánh giá kết quả học tập, rèn luyện học kì 1 của cháu T1 có môn Toán 4 điểm là chưa hoàn thành môn học nhưng không có chứng cứ chứng minh việc ông T cùng gia đình không quan tâm, dạy dỗ cháu T1. Đồng thời, căn cứ vào Phiếu đánh giá kết quả học tập, rèn luyện học kì 2 của cháu T1 có môn Toán 6 điểm, kết quả cuối năm hoàn thành chương trình học và được lên lớp 3 được nhà trường nhận xét có cố gắng trong học tập và có sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện.

[4] Tại giấy khám sức khỏe của cháu T1 ngày 03/4/2018 tại Trung tâm y tế thành phố Bến Tre có kết luận viêm da do vệ sinh kém, nhẹ cân và suy dinh dưỡng chiều cao, tuy nhiên tại giấy khám sức khỏe của cháu T1 ngày 27/6/2018 tại Trung tâm y tế thành phố Bến Tre có kết luận cháu T1 sức khỏe bình thường.

[5] Tại Biên bản hỏi ý kiến con chung từ 07 tuổi đến dưới 18 tuổi ngày 02/4/2018 cháu T1 có ý kiến muốn tiếp tục sống chung với cha và khẳng định ý kiến của mình. Tuy nhiên, khi được hỏi nếu Tòa án giao cháu cho mẹ nuôi thì cháu vẫn đồng ý như vậy không thể căn cứ vào lời trình bày này để khẳng định cháu muốn sống chung với mẹ mà không muốn tiếp tục sống cùng cha. Ngoài ra, bà M cho rằng việc thăm nom, chăm sóc cháu T1 bị gia đình ông T cản trở nhưng lời trình bày này của bà mâu thuẫn với lời trình bày trước đó là mỗi cuối tuần bà đều được đón cháu T1 đến chơi tại nơi bà đang sống.

Từ những nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Huỳnh T, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 31/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Đoàn Thị Nguyệt M phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015312 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Huỳnh T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn Huỳnh T là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016712 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Huỳnh T;

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 31/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G.

Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Nguyệt M đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Huỳnh T về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Nguyệt M phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015312 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn Huỳnh T là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016712 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng

